

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/HS-ST

Ngày: 28/5/2020

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bạch Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Trường Vũ;
2. Bà Nguyễn Thị Kim Khuyên.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tài - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 5 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 23/2020/TLST-HS ngày 07 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2020/QĐXXST-HS ngày 13/5/2020 đối với bị cáo:

Trần Di Q, sinh năm 1989, Nơi sinh: Tân Châu - An Giang; nơi cư trú (ĐKHKT): Khóm LT A, phường LH, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 06/12; Giới tính: nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: đạo Cao Đài; con ông Trần Văn T, sinh năm 1966 và bà Võ Thị L, sinh năm 1969; Chưa có vợ con.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 27/6/2018, bị Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 18 tháng, về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

Bị cáo Trần Di Q, bị tạm giam từ ngày 20/4/2020 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Lê Thành T (Út D), sinh năm 1970; Địa chỉ: Khóm LT A, phường LH, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang, vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Người làm chứng:

- Đặng Thanh T, vắng mặt;

- Tô Chánh Y, vắng mặt;
- Trần Thị Kim H, vắng mặt;
- Thái Thị N, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 00 ngày 19/4/2020, Trần Di Q đi đến nhà của anh Lê Thành T (Út D) thuộc khóm LT A, phường LH, thị xã Tân Châu, để gửi sổ hộ khẩu của Q cho anh T giữ hộ. Khi đến nhà anh T, do cửa chính đã khóa, nên Q đi vào nhà anh T bằng cửa phụ (bên hông nhà). Khi vào bên trong, Q kêu “Út D ơi”, nhưng không có ai trả lời. Lúc này, Q nhìn thấy trên giường gỗ trong gian nhà chính có để chìa khóa tủ, Q nảy sinh ý định, lấy trộm tiền của anh T để tiêu xài, Q liền lấy chìa khóa mở cửa tủ gỗ, bên trong tủ có một con thú bông màu trắng - xám, Q mở dây kéo của con thú nhồi bông ra, Q nhìn thấy có 04 xấp tiền, mệnh giá 500.000 đồng, Q lấy 01 xấp tiền để vào người, rồi để con thú bông vào chỗ cũ và khóa tủ lại. Sau đó, Q để chìa khóa lại trên giường gỗ, rồi đi ra ngoài. Lúc này, anh T đi về và nhìn thấy Q đi từ trong nhà của anh T đi ra, gặp anh T, Q nhờ anh T giữ hộ sổ hộ khẩu của Q, nhưng anh T không đồng ý và hỏi Q vào nhà của anh T để làm gì. Đồng thời, anh T lấy điện thoại gọi cho người khác để giải quyết công việc, nghỉ anh T gọi điện báo Công an phường LH đến bắt Q, nên Q không cho anh T gọi điện và kéo anh T vào trong nhà. Tại đây, Q lấy xấp tiền vừa lấy trộm của anh T, đưa lại anh T và nói “con lỡ lấy tiền của Út, con trả lại cho Út nè, không mất tờ nào”, anh T hỏi Q lấy trộm tiền ở đâu, Q nói lấy tiền trong con thú bông, anh T kiểm tra lại xấp tiền mà Q lấy trộm là 100 tờ mệnh giá 500.000 đồng, tổng cộng 50.000.000 đồng. Đồng thời, anh T kiểm tra tiền để trong con thú bông, anh phát hiện bị mất trộm 50.000.000 đồng, loại tiền mệnh giá 500.000 đồng, giống như xấp tiền mà Q trả lại cho anh. Sau đó, anh T đến Công an phường LH, thị xã Tân Châu trình báo sự việc trên.

Vật chứng thu giữ: Tiền Việt Nam 50.000.000 đồng (anh T đã nhận lại giai đoạn điều tra).

Ngày 20/4/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã Tân Châu ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can Trần Di Q và ra lệnh tạm giam.

Cáo trạng số 25/CT-VKS ngày 07 tháng 5 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu đã truy tố bị cáo Trần Di Q về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thị xã Tân Châu, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung vụ án nêu trên.

Bị hại anh Lê Thành T; người làm chứng anh Đặng Thanh T, anh Tô Chánh Y, chị Trần Thị Kim H và chị Thái Thị N trình bày phù hợp với nội dung

vụ án đã nêu. Hiện, anh T đã nhận lại số tiền bị mất trộm, anh T không yêu cầu Q phải bồi thường và xin được giảm nhẹ hình phạt cho Q.

Tại phiên tòa, bị cáo Q khai nhận, có vào nhà anh T và gọi nhưng không có ai, bị cáo nhìn thấy trên giường gỗ trong ở nhà chính có để chìa, nên nảy sinh ý định lấy trộm tài sản, tiêu xài cá nhân và mở tủ thấy trong tủ bông có 04 xấp tiền, bị cáo lén lút lấy trộm 01 xấp số tiền 50.000.000 đồng (loại tờ 500.000 đồng) của anh T, bị cáo để vào trong lưng quần trước bụng che áo lại. Khi bước ra trước nhìn thấy anh T không chú ý, bị cáo định bước đi, nhưng anh T quay vào nhà gặp bị cáo hỏi đi đâu bị cáo nói gửi hộ khẩu. Lúc này, anh T lấy điện thoại trong túi quần, bị cáo nghĩ anh T điện thoại cho Công an nên bị cáo kéo anh T vào nhà và lấy tiền xấp tiền đã trộm được trả lại cho anh T, anh T có đếm lại đủ tiền và nói cho những người ở xóm biết bị cáo lấy của anh T 50.000.000 đồng.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm luận tội: Lời khai nhận của bị cáo Trần Di Q tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, các người làm chứng trong quá trình điều tra cùng các vật chứng được thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi của bị cáo Q lén lút chiếm đoạt số tiền Việt Nam 50.000.000 đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu truy tố đối với bị cáo Q là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; giữ nguyên nội dung cáo trạng truy tố.

Hành vi phạm tội của bị cáo Q đã xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của công dân, bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, gây mất trật tự trị an ở địa phương. Phải chịu mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để nhằm răn đe, giáo dục phòng ngừa chung trong xã hội.

Bị cáo có nhân thân xấu, ngày 25/11/2009, bị Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tuyên phạt 09 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 24/02/2011, bị Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tuyên phạt 01 năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 15/8/2013, bị Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tuyên phạt 01 năm 06 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời gian chấp hành hình phạt và đã được xóa án tích, nhưng bị cáo không chữa chữa sai lầm mà thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo tự nguyện giao trả tiền cho bị hại; bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, trình độ học vấn thấp là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử có xem xét khi lượng hình.

Về hình phạt: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Di Q, từ 03 đến 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”;

Bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về xử lý vật chứng: Tiền Việt Nam 50.000.000 đồng đã giao trả cho bị hại, nên không đề cập đến.

Về Trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bồi thường, nên không đề cập.

Trong phần tranh luận, bị cáo Q không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, đồng ý theo Quyết định truy tố và quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến khác.

Bị cáo Q nói lời sau cùng, xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị cáo Trần Di Q bị Cơ quan điều tra - Công an thị xã Tân Châu khởi tố về hành vi “*Trộm cắp tài sản*” xảy ra tại khu vực khóm LT A, phường LH, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

[2] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã Tân Châu, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến khiếu nại nên về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[3] Sự vắng mặt của bị hại Lê Thành T (có đơn xin vắng mặt); các người làm chứng Đặng Thanh T, Tô Chánh Y, Trần Thị Kim H, Thái Thị N đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Tuy nhiên, đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

- Về nội dung:

[1] Hành vi phạm tội:

Bị cáo Trần Di Q khai nhận, khoảng 09 giờ ngày 19/4/2020, bị cáo đi đến nhà của anh Lê Thành T, để gửi sổ hộ khẩu của bị cáo cho anh T giữ hộ. Khi đến nhà anh T, do cửa chính đã khóa, bị cáo đi vào nhà anh T bằng cửa phụ. Khi vào nhà, bị cáo kêu “Út D ơi”, nhưng không có ai trả lời. Lúc này, bị cáo nhìn thấy trên giường gỗ trong gian nhà chính có để chìa khóa tủ nên nảy sinh ý định, lấy trộm tiền của anh T để tiêu xài cá nhân, bị cáo lấy chìa khóa mở cửa tủ gỗ

(tủ úp phê) ở gian nhà chính, bên trong tủ có một con thú bông màu trắng - xám, bị cáo mở dây kéo của con thú nhồi bông ra, bị cáo nhìn thấy có 04 xấp tiền, mệnh giá 500.000 đồng, bị cáo lấy 01 xấp tiền để vào người, rồi để con thú bông vào chỗ cũ và khóa tủ lại. Sau đó, bị cáo để chìa khóa lại trên giường gỗ và đi ra trước đường. Lúc này, bị cáo nhìn thấy anh T đang đứng trước cửa nhà bà Sáu N (đối diện nhà anh T), bị cáo rẽ ngang đi hướng khác (cách nhà anh T khoảng 05m), bị cáo vừa kêu vừa ngoắc anh T vào nhà anh T. Anh T lấy điện thoại gọi cho người khác để giải quyết công việc, nghĩ anh T gọi điện báo Công an phường LH đến bắt bị cáo, nên bị cáo không cho anh T gọi điện và kéo anh T vào trong nhà. Bị cáo lấy xấp tiền vừa lấy trộm của anh T, đưa lại anh T và nói “con lỡ lấy tiền của Út, con trả lại cho Út nè, không mất tờ nào”, anh T hỏi bị cáo lấy trộm tiền ở đâu, bị cáo nói lấy tiền trong con thú bông, anh T kiểm tra lại xấp tiền mà bị cáo lấy trộm là 100 tờ mệnh giá 500.000 đồng, tổng cộng 50.000.000 đồng. Sau đó, anh T đến Công an phường LH, thị xã Tân Châu trình báo sự việc trên.

Lời khai của bị cáo có lấy trộm tiền Việt Nam 50.000.000 đồng của anh T phù hợp với lời khai anh T; phù hợp lời khai các người làm chứng; phù hợp biên bản tiếp nhận tin báo về tội phạm ngày 19/4/2020 và các chứng cứ được thể hiện trong hồ sơ vụ án.

Bị cáo Q có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Dù căn cứ xác định bị cáo có hành vi lấy trộm tài sản với tình tiết định khung “Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng” được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình như quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu.

Cáo trạng số 25/CT-VKSTC ngày 07/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu truy tố hành vi phạm tội của bị cáo Trần Di Q là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

An ninh trật tự là vấn đề đặc biệt và cần quan tâm, mọi người cùng nhau giữ gìn trật tự chung ở địa phương, bảo vệ tài sản của nhau.

Tài sản của anh T thuộc quyền sở hữu của anh T, bất kỳ ai xâm hại sẽ bị xử lý theo pháp luật.

Ngày 25/11/2009, bị Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tuyên phạt 09 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 24/02/2011, bị Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tuyên phạt 01 năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 15/8/2013, bị Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tuyên phạt 01 năm 06 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời gian chấp hành hình phạt và đã được xóa án tích, nhưng bị cáo không chữa chữa sai lầm trở thành người tốt mà thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

Bị cáo Q là thanh niên, có sức khỏe, có khả năng lao động. Lẽ ra, bị cáo phải tích cực lao động để tạo thu nhập để chi phí cho bản thân và phụ

giúp gia đình. Ngược lại, bị cáo nghiện hút lợi dụng sự sơ hở của người khác để chiếm đoạt tài sản một cách trái pháp luật.

[2] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng: không.

- Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Q có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo tự nguyện giao trả tài sản cho bị hại khi bị hại chưa phát hiện số tiền bị mất trộm; bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, thuộc thành phần nhân dân lao động là tình tiết giảm nhẹ theo quy định theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[3] Hình phạt:

- Về hình phạt chính: Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, nhân thân xấu. Xét, phải có mức hình phạt nghiêm, cách ly bị cáo với bên ngoài xã hội trong thời gian nhất định để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

- Về hình phạt bổ sung: Bị cáo có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn. Xét, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng: Số tiền Việt Nam 50.000.000 đồng, bị hại đã nhận lại giai đoạn điều tra nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết;

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị lấy trộm, không có yêu cầu khác nên không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: Bị cáo Trần Di Q phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Theo quy định tại Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Trần Di Q phạm tội "Trộm cắp tài sản";

Xử phạt: Trần Di Q 03 (Ba) năm tù;

Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo được tính kể từ ngày tạm giam 20/4/2020 (ngày hai mươi, tháng tư, năm hai nghìn không trăm mười hai mươi).

Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 333, Điều 337 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/

UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Bị cáo Trần Di Q phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của anh T vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND thị xã (1);
- Viện KSND tỉnh (1);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giam (1);
- Phòng hồ sơ (1);
- Thi hành án DS thị xã (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Bạch Tuyết